

BÁO CÁO

**Công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện
dự toán ngân sách địa phương 9 tháng năm 2022**

Thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa X, kỳ họp thứ 2 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2022 và Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa X, kỳ họp thứ 2 về phân bổ ngân sách địa phương năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 3399/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

- Dự toán thu ngân sách nhà nước..... 10.020 tỷ đồng.
- + Thu nội địa 8.720 tỷ đồng.
- + Thu xuất nhập khẩu 1.300 tỷ đồng.
- Dự toán thu ngân sách địa phương (NSDP)10.342,2 tỷ đồng.
- + Thu cân đối NSDP 9.312,6 tỷ đồng.
- + Thu NSTW bổ sung các CT mục tiêu, nhiệm vụ: 1.029,6 tỷ đồng.
- Dự toán chi ngân sách địa phương10.398 tỷ đồng.
- + Chi cân đối NSDP:9.368,4 tỷ đồng.
- + Chi các CT mục tiêu, nhiệm vụ: 1.029,6 tỷ đồng.
- Bội chi ngân sách địa phương..... 55,8 tỷ đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng năm 2022 như sau:

I. Về thu NSNN

Tổng thu NSNN trên địa bàn 8.744,3 tỷ đồng, đạt 87,3% dự toán, tăng 15,3% cùng kỳ, gồm:

1. Phân theo nguồn thu

- Thu nội địa: 7.470,5 tỷ đồng, đạt 85,7% dự toán, tăng 13,7% cùng kỳ;
- Thu xuất nhập khẩu: 1.273,9 tỷ đồng, đạt 98% dự toán, tăng 25,1% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố (Chi tính thu nội địa)

- Khối tỉnh: 4.766 tỷ đồng, đạt 72,6% dự toán, giảm 4,2% cùng kỳ;
- Khối huyện: 2.704,5 tỷ đồng, đạt 125,7% dự toán, tăng 69,7% cùng kỳ.

II. Về chi NSDP

Tổng chi NSDP: 7.929,1 tỷ đồng, đạt 76,3% dự toán, tăng 4,2% cùng kỳ, trong đó:

1. Phân theo nhiệm vụ chi

- Chi cân đối NSDP: 6.128,5 tỷ đồng, đạt 65,4% dự toán, giảm 11,3% cùng kỳ, trong đó:
 - + Chi ĐTPT: 2.353,6 tỷ đồng, đạt 72,9% dự toán, giảm 29,1 % cùng kỳ;
 - + Chi thường xuyên: 3.746,5 tỷ đồng, đạt 63% dự toán, tăng 4,7% cùng kỳ.
- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 1.256,4 tỷ đồng, đạt 122,1% dự toán, tăng 166,1% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố

- Khối tỉnh: 3.308,5 tỷ đồng, đạt 53,9% dự toán;
- Khối huyện: 4.620,6 tỷ đồng, đạt 108,4% dự toán.

III. Cân đối thu, chi NSDP

1. Tổng thu NSDP 11.963,5 tỷ đồng.

- Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết..... 7.128,9 tỷ đồng;
- Thu bổ sung từ NSTW 1.855,1 tỷ đồng;
- Thu chuyển nguồn năm trước sang..... 2.979,5 tỷ đồng;

2. Tổng chi NSDP 7.929,1 tỷ đồng.

- Chi cân đối NSDP 6.128,5 tỷ đồng;
- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ 1.256,4 tỷ đồng;
- Chi tạm ứng ngân sách 544,2 tỷ đồng.

3. Tồn quỹ NSDP (1-2) 4.034,4 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh..... 1.261,1 tỷ đồng;
- Ngân sách huyện, xã 2.773,3 tỷ đồng.

IV. Đánh giá

1. Kết quả đạt được

a) Về thu ngân sách: Công tác thu ngân sách được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời từ các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành tỉnh với các huyện, thị xã, thành phố; quản lý, khai thác nguồn thu đảm bảo thu đúng, đủ theo quy định. Các ngành, lĩnh vực chủ yếu của nền kinh tế phục hồi tích cực, dịch bệnh Covid-19 tiếp tục được kiểm soát tốt trên toàn tỉnh, các cá nhân,

tổ chức, doanh nghiệp đã dần khôi phục lại việc sản xuất, kinh doanh. Có 12/16 khoản thu đạt từ 75% trở lên so với dự toán, cụ thể như sau:

- Thu từ DN có vốn ĐTNN đạt 90,2% dự toán, giảm 4,3% cùng kỳ;
- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 87,5% dự toán, tăng 12,3% cùng kỳ;
- Thu lệ phí trước bạ đạt 126,6% dự toán, tăng 73,7% cùng kỳ;
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 109,1% dự toán, tăng 89,1% cùng kỳ;
- Thuế Thu nhập cá nhân đạt 125% dự toán, tăng 54,8% cùng kỳ;
- Thu phí, lệ phí đạt 99,6% dự toán, tăng 27,6% cùng kỳ;
- Thu tiền sử dụng đất đạt 78,1% dự toán, tăng 124,1% cùng kỳ;
- Thu khác ngân sách đạt 99,4% dự toán, giảm 5,4% cùng kỳ;
- Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích tại xã đạt 82,9% dự toán, tăng 36,8% cùng kỳ;
- Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế đạt 95,6% dự toán, giảm 0,5% cùng kỳ;
- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 79,9% dự toán, tăng 9,1% cùng kỳ;
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 98% dự toán, tăng 25,1% cùng kỳ;

Có 8/9 huyện, thị xã, thành phố có số thu vượt dự toán, trong đó huyện Gò Dầu đạt cao nhất (198%), Thành phố Tây Ninh đạt thấp nhất (98,1%).

b) Về chi ngân sách: Thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Trong đó:

- Chi thường xuyên đảm bảo các nhu cầu chi theo dự toán như: chi đảm bảo xã hội (109,7%), cơ bản các nội dung chi quốc phòng, an ninh, chi trả tiền lương và các nhiệm vụ đột xuất khác đảm bảo;

- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ đạt 122,1% dự toán, do có số giải ngân nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương chuyển nguồn từ năm 2021 sang 2022 để thực hiện các dự án.

2. Những khó khăn

a) Về thu ngân sách: Tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục được kiểm soát tốt, tuy nhiên nền kinh tế vẫn còn những tồn tại, hạn chế và gặp nhiều khó khăn, thách thức, khó lường và làm ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước và thực hiện các quy định về miễn, giảm thuế. Do đó, có 04/16 khoản thu đạt dưới 75% so với dự toán như: Thu từ doanh nghiệp nhà nước đạt 71,6%, giảm 28,4% cùng kỳ; Thuế bảo vệ môi trường đạt 56,2% dự toán, giảm 17,6% cùng kỳ; Thu tiền thuê đất đạt 24,2% dự toán, giảm 71,7% cùng kỳ; Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 45,8% dự toán, giảm 18,3% cùng kỳ.

b) Về chi ngân sách



- Chi đầu tư phát triển từ nguồn cân đối đạt khá. Tuy nhiên, nếu chỉ tính số giải ngân vốn XDCB theo dự toán chi ngân sách đầu năm thì chi đầu tư XDCB (nguồn cân đối) 9 tháng đạt thấp so với tiến độ (57,3% dự toán). Nguyên nhân đạt thấp chủ yếu là do: Giá xăng dầu tương đối cao kéo theo chi phí vận chuyển, ca máy thi công và các loại vật liệu xây dựng (như thép, xi măng, cát, đá, gạch, ...), thậm chí ở một số thời điểm, xảy ra tình trạng khan hiếm nguồn cung đối với mặt hàng xăng dầu, nhựa đường. Điều này tác động trực tiếp tới giá thành xây dựng các công trình, dự án đầu tư công. Hiện nay, các chủ đầu tư tích cực phối hợp với các nhà thầu để triển khai dự án đảm bảo tiến độ, tuy nhiên trong thời gian tới có thể xảy ra tình trạng dự án thi công chậm chùng, tạm dừng do tâm lý chờ giá nguyên vật liệu giảm xuống hoặc chờ thương thảo, điều chỉnh lại giá gói thầu dẫn đến việc chậm triển khai thi công. Ngoài ra, các dự án đang chuẩn bị đấu thầu có thể không thu hút được sự quan tâm của nhà thầu do giá gói thầu chưa cập nhật theo giá thị trường, dẫn đến việc chậm triển khai các dự án khởi công mới. Mặt khác, công tác đền bù giải phóng mặt bằng, mặc dù đã được quan tâm chỉ đạo triển khai tích cực, song một số dự án việc triển khai thực hiện vẫn còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân chung của tỉnh.

- Chi thường xuyên, ngoài lĩnh vực đạt cao so dự toán vẫn còn các khoản chi chưa đạt tiến độ dự toán, trong đó: sự nghiệp kinh tế: 44,9%; sự nghiệp môi trường 50,5%; sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề: 62,1%; sự nghiệp y tế: 52,3%; sự nghiệp văn hóa: 53,7%; sự nghiệp phát thanh truyền hình: 51,1%; sự nghiệp thể dục thể thao: 55,1%; sự nghiệp KHCN: 36,2%; chi quản lý hành chính: 70,4%; chi khác: 26,2%. Nguyên nhân chủ yếu là do một số đơn vị sử dụng ngân sách chưa chủ động triển khai thực hiện kịp thời; một số nhiệm vụ chi phải triển khai theo trình tự thời gian quy định, nhất là kinh phí mua sắm, triển khai các chính sách, đề án. Ngoài ra còn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên một số nội dung chi triển khai thực hiện còn chậm chậm so dự toán được giao như chi tổ chức hoạt động thể dục, thể thao, hội nghị, hội chợ,...

(Kèm biểu mẫu số 59, 60, 61/CK-NSNN)

Trên đây là báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng năm 2022./.

Nơi nhận: *nh*
 - TT: TỰ, HĐND tỉnh;
 - UBNDTTQVN tỉnh;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Các Sở, ban, ngành tỉnh;
 - UBND các huyện, tx, tp;
 - Sở Tài chính (Đăng Công thông tin điện tử STC);
 - LĐVP; PKT; TTCBTH;
 - Lưu: VT. VP.

Trúc 28 7

**KT. CHỦ TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Thắng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 386/BC-UBND ngày 12/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	10.020.000	11.723.789	117,0%	104,1%
I	Thu cân đối NSNN	10.020.000	8.744.321	87,3%	115,3%
1	Thu nội địa	8.720.000	7.470.455	85,7%	113,7%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.300.000	1.273.866	98,0%	125,1%
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		2.979.468		
B	TỔNG CHI NSDP	10.396.987	7.384.948	71,0%	100,1%
I	Chi cân đối NSDP	9.368.396	6.128.534	65,4%	88,7%
1	Chi đầu tư phát triển	3.230.380	2.353.616	72,9%	70,9%
2	Chi thường xuyên	5.950.758	3.746.463	63,0%	104,7%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	0	314		112,4%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0	0,0%	
5	Dự phòng ngân sách	186.258	25.095	13,5%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.028.591	1.256.414	122,1%	266,1%
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	55.800	10.079	18,1%	69,0%
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	6.100	3.046	49,9%	30,5%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 386/BC-UBND ngày 12/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	10.020.000	8.744.321	87,3%	115,3%
I	Thu nội địa	8.720.000	7.470.455	85,7%	113,7%
1	Thu từ khu vực DNNN	370.000	265.031	71,6%	76,8%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.180.000	1.064.537	90,2%	95,7%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.624.000	1.421.274	87,5%	112,3%
4	Thuế thu nhập cá nhân	870.000	1.087.186	125,0%	154,8%
5	Thuế bảo vệ môi trường	615.000	345.684	56,2%	82,4%
6	Lệ phí trước bạ	350.000	443.110	126,6%	173,7%
7	Thu phí, lệ phí	420.000	418.299	99,6%	127,6%
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.400.000	881.708	63,0%	127,2%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	12.000	13.094	109,1%	189,1%
-	Thu tiền sử dụng đất	988.000	771.816	78,1%	224,1%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	400.000	96.798	24,2%	28,3%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	27.000	12.372	45,8%	81,7%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	2.000	1.912	95,6%	99,5%
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.650.000	1.318.903	79,9%	109,1%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	2.000	1.657	82,9%	136,8%
13	Thu khác ngân sách	210.000	208.782	99,4%	94,6%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.300.000	1.273.866	98,0%	125,1%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 386/BC-UBND ngày 12/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP	10.396.987	7.384.948	71,0%	100,1%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	9.368.396	6.128.534	65,4%	88,7%
I	Chi đầu tư phát triển	3.230.380	2.353.616	72,9%	70,9%
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.995.780	2.208.018	73,7%	68,2%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	234.600	145.598	62,1%	180,2%
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	5.950.758	3.746.463	63,0%	104,7%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.485.320	1.544.087	62,1%	108,5%
2	Chi khoa học và công nghệ	40.670	14.735	36,2%	155,1%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	473.175	247.557	52,3%	85,0%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	116.320	62.521	53,7%	106,0%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	52.905	27.014	51,1%	139,5%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	36.130	19.914	55,1%	172,3%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	131.950	66.614	50,5%	158,6%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	789.095	353.920	44,9%	94,8%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	978.220	688.941	70,4%	97,8%
10	Chi bảo đảm xã hội	419.705	460.387	109,7%	144,3%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	0	314		112,4%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000		0,0%	
V	Dự phòng ngân sách	186.258	25.095	13,5%	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	1.028.591	1.256.414	122,1%	266,1%
I	Chương trình mục tiêu quốc gia	0	12.270		444,5%
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.028.591	1.244.144	121,0%	265,0%
1	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	935.449	1.180.008	126,1%	313,1%
2	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	93.142	64.136	68,9%	69,3%